TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - HÀ TĨNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:111/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 30/7/2026
Về việc Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - HÀ TĨNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Đào
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Ngọc Anh
Ông Lê Đức Anh

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Bùi Văn Duy - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hà Tĩnh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Quý, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2026, tại hội trường xét xử Toà án nhân dân khu vực 1 - Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 209/2026/TLST-HNGĐ, ngày 02/6/2026 về việc "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 117/2026/QĐXXST-HNGĐ, ngày 14 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Ngọc B, sinh năm 2003; CCCD số: 091303010985; Địa chỉ: Số nhà A, tổ F, ấp V, xã B, tỉnh An Giang (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Bùi Công Đ, sinh năm 1995; CCCD số: 042095001423; Địa chỉ: Số nhà B, ngách F, ngõ F, đường M, phường T, tỉnh Hà Tĩnh; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo nội dung Đơn khởi kiện, B1 tự khai, trình bày tại phiên tòa cũng như các tài liệu thu thập trong quá trình giải quyết, vụ án có nội dung như sau:

Nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Ngọc B và anh Bùi Công Đ quen biết nhau qua mạng xã hội và sau đó kết hôn. Hai vợ chồng đăng ký kết hôn ngày 26/5/2022 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh Kiên Giang. Sau khi chung sống được một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, không tìm được tiếng nói chung. Chị Nguyễn Ngọc B chuyển về

sống tại nhà cha mẹ ruột tại ấp V, xã V, huyện C (nay là xã B), tỉnh An Giang và vợ chồng sống ly thân từ năm 2023 đến nay. Nay tình cảm không còn nên chị Nguyễn Ngọc B đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Bùi Công Đ.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản, không có nợ chung.

Vì điều kiện ở xa, đi lại khó khăn nên chị Nguyễn Ngọc B xin vắng mặt các buổi công khai chứng cứ, hòa giải và các phiên tòa xét xử.

Nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc B giao nộp cho Tòa án các tài liệu: Giấy chứng nhận kết hôn, Căn cước công dân của nguyên đơn bản sao chứng thực, Đơn yêu cầu không hòa giải, Đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, Xác nhận thông tin cư trú, Bản tự khai.

Bị đơn anh Bùi Công Đ trình bày:

Anh Bùi Công Đ và chị Nguyễn Ngọc B sau một thời gian tìm hiểu thì quyết định đi đến hôn nhân và đăng ký kết hôn ngày 26/5/2022 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh Kiên Giang. Hôn nhân tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại phường T, tỉnh Hà Tĩnh. Quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra cãi vã, dù đã được gia đình hai bên nội ngoại hòa giải nhưng vẫn không giải quyết được. Năm 2023, chị Nguyễn Ngọc B tự chuyển về sống tại nhà cha mẹ ruột tại ấp V, xã V, huyện C (nay là xã B), tỉnh An Giang và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nay tình cảm không còn, chị B có đơn yêu cầu giải quyết ly hôn thì anh Bùi Công Đ đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản, không có nợ chung.

Phía bị đơn giao nộp cho Tòa án các tài liệu: Xác nhận thông tin cư trú của bị đơn; Căn cước công dân bị đơn bản sao chứng thực; Bản tự khai.

Hai bên đương sự đã được tiếp nhận đầy đủ các tài liệu, chứng cứ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Hà Tĩnh sau khi nhận xét việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và các đương sự, phân tích nội dung vụ án, đã đề nghị Hội đồng xét xử: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc B và bị đơn anh Bùi Công Đ; Về con chung, tài sản chung, nợ chung: không có nên không xem xét. Buộc nguyên đơn, bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi tại phiên toà và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Hà Tĩnh, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc B khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn. Bị đơn anh Bùi Công Đ có địa chỉ tại số nhà B, ngách F, ngõ F, đường M, phường T, tỉnh Hà Tĩnh. Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hà Tĩnh thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 5 Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thẩm quyền của các Tòa án nhân dân.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các biện pháp thu thập chứng cứ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và đã trình bày đầy đủ quan điểm đối với việc giải quyết vụ án. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Ngọc B kết hôn với anh Bùi Công Đ, đăng ký kết hôn ngày 26/5/2022 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh Kiên Giang trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, ép buộc, đảm bảo điều kiện kết hôn và đăng ký đúng quy định của pháp luật, do đó có đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, chị Nguyễn Ngọc B kết hôn với anh Bùi Công Đ chung sống bình thường với nhau được một thời gian. Sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, cãi vã do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung và sống ly thân từ năm 2023 đến nay. Đối với yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Ngọc B, anh Bùi Công Đ cũng thống nhất.

Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của chị Nguyễn Ngọc B và anh Bùi Công Đ tại Biên bản lấy lời khai ngày 26/6/2026 với anh Bùi Công Đ. Tại Biên bản lấy lời khai ngày 26/6/2026, anh Đ trình bày: Anh Bùi Công Đ và chị Nguyễn Ngọc B sau một thời gian tìm hiểu thì quyết định đi đến hôn nhân và đăng ký kết hôn ngày 26/5/2022 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh Kiên Giang. Hôn nhân tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại Hà Tĩnh. Quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra cãi vã, dù đã được gia đình hai bên nội ngoại hòa giải nhưng vẫn không giải quyết được. Năm 2023 chị Nguyễn Ngọc B tự chuyển về sống tại nhà cha mẹ ruột và vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Nay chị B yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý. Hai vợ chồng không có con chung, không có tài sản chung, nợ chung.

Xét thấy, sự đồng thuận thống nhất ly hôn giữa các đương sự là tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội; cuộc hôn nhân giữa chị Nguyễn Ngọc B và anh Bùi Công Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở chấp nhận giải quyết cho chị Nguyễn Ngọc B và anh Bùi Công Đ theo quy định tại khoản 1 Điều 51, Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] *Về con chung*: Các đương sự không có con chung.

[2.3] *Về tài sản chung, nợ chung*: Các đương sự không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] *Về án phí*: Các đương sự thuận tình ly hôn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[4] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 5 Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thẩm quyền của các Tòa án nhân dân; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b khoản 1 Điều 3, khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 24, khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xử:

1. Về hôn nhân*:* Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Ngọc B và anh Bùi Công Đ.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Ngọc B và anh Bùi Công Đ không có con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Ngọc B phải nộp 75.000 đồng (*bảy mươi lăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000976 ngày 02/6/2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh; chị Nguyễn Ngọc B được trả lại 225.000 đồng. Anh Bùi Công Đ phải nộp 75.000 đồng (*bảy mươi lăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND khu vực 1 - Hà Tĩnh;
- THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- Các đương sự;
- UBND xã Bình An, tỉnh An Giang;
- Lưu HSVA, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Bích Đào